TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 100A/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 12- 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng.
- Ông Nguyễn Văn Chót.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2017/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3107/2017/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Văn D – sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Thị T – sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Huỳnh Văn D trình bày: Vào năm 2004 anh và chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Qui và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/4/2004. Trong thời gian sống anh, chị có 03 con chung tên Huỳnh Văn T, sinh ngày 02/11/2009; Huỳnh Văn C, sinh ngày 26/01/2004; Huỳnh Chánh Đ, sinh ngày 06/11/1999, hiện nay con chung tên Huỳnh Chánh Đ đã trưởng thành, con chung tên Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn C đang sống chung với anh. Anh và

chị T có tài sản chung là hai con bò và ngôi nhà hiện do anh quản lý; anh và chị T không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi nhau. Chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên anh chị không còn thương yêu nhau và không còn sống chung từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nhận thấy giữa anh và chị T có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Huỳnh Văn T, sinh ngày 02/11/2009; Huỳnh Văn C, sinh ngày 26/01/2004, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Huỳnh Chánh Đ, sinh ngày 06/11/1999 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Chị thừa nhận quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như anh D trình bày.

Chị thừa nhận, chị và anh D có mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 01/2017 cho đến nay. Anh chị có nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện anh D có quan hệ tình cảm với người khác nên không còn thương yêu chị. Qua yêu cầu của anh D thì chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Về con chung: Hiện nay chị đi làm thuê ở xa, thu nhập không ổn định nên không có điều kiện nuôi và chăm sóc con chung. Do đó chị đồng ý giao con chung tên Huỳnh Văn T, sinh ngày 02/11/2009; Huỳnh Văn C, sinh ngày 26/01/2004 cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Huỳnh Chánh Đ, sinh ngày 06/11/1999 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của anh D, chị T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: trong thời gian chung sống anh D, chị T đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa anh D, chị T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi của anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Nguyễn Thị T có sinh sống và đăng ký hộ khẩu ấp AP, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: anh Huỳnh Văn D và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Anh D, chị T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Qui, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/4/2004. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh D và chị T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân anh D xin ly hôn với chị T là do trong thời gian chung sống anh D phát hiện chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên anh, chị phát sinh mâu thuẫn và không còn tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy: tại phiên tòa anh D, chị T thống nhất từ tháng 01/2017 cho đến nay anh, chị không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Đồng thời thừa nhận hiện nay anh, chị không còn tin tưởng lẫn nhau nên không thể hàn gắn tình cảm do đó thuận tình ly hôn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị T, anh D thống nhất anh D được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Huỳnh Văn T, sinh ngày 02/11/2009; Huỳnh Văn C, sinh ngày 26/01/2004. Xét thấy: con chung tên Huỳnh Văn T có nguyện vọng sống chung với chị T nhưng chị T thừa nhận từ khi chị và anh D không còn sống chung hai con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác hiện nay do chị T đi làm thuê ở xa không có thu nhập ổn định, không có đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dạy con chung, do đó chị đồng ý giao hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao hai con chung Huỳnh Văn T, sinh ngày 02/11/2009; Huỳnh Văn C, sinh ngày 26/01/2004 cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Huỳnh Chánh Đ đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị T, anh D tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Anh Huỳnh Văn D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: anh Huỳnh Văn D và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Huỳnh Văn D được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Văn C, sinh ngày 26/01/2004; Huỳnh Văn T, sinh ngày 02/11/2009. Do anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung tên Huỳnh Chánh Đ, sinh ngày 06/11/1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Anh Huỳnh Văn D, chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Huỳnh Văn D, chị Nguyễn Thị T có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Anh Huỳnh Văn D phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012070 ngày 09/102017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã An Qui;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

HUỲNH THỊ PHÊ

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân phieân toaø	**Thaåm phaùn – Chuû toaï**
Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt	**Huyønh Thò Pheâ**